VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2020/TT-BGDĐT *Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2020*

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các Giải thưởng khác về khoa học và công nghệ; Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các Giải thưởng khác về khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2020.

Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2017/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng "Khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học" và Thông tư số 18/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học".

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên (sau đây gọi tắt là Giải thưởng) trong các đại học, trường đại học, học viện của hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học), bao gồm: công tác chuẩn bị xét tặng Giải thưởng; tiêu chí, quy trình đánh giá và xét tặng Giải thưởng; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với giảng viên trẻ và sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đối tượng tham gia Giải thưởng

a) Giảng viên không quá 35 tuổi tại thời điểm nộp hồ sơ tham gia xét Giải thưởng (sau đây gọi chung là giảng viên trẻ) có công trình khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các Giải thưởng khác về khoa học và công nghệ gửi tham gia Giải thưởng (sau đây gọi tắt là công trình);

b) Sinh viên đang theo học ở cơ sở giáo dục đại học tại thời điểm nộp hồ sơ tham gia xét Giải thưởng có đề tài nghiên cứu khoa học gửi tham gia Giải thưởng (sau đây gọi tắt là đề tài).

Điều 2. Mục đích, thời gian tổ chức Giải thưởng

1. Mục đích của Giải thưởng

a) Biểu dương thành tích xuất sắc và khuyến khích giảng viên trẻ, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội, phát hiện và bồi dưỡng tài năng khoa học trẻ trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ và sinh viên.

2. Thời gian tổ chức Giải thưởng

a) Giải thưởng dành cho giảng viên trẻ được tổ chức 03 năm một lần.

b) Giải thưởng dành cho sinh viên được tổ chức hằng năm.

Điều 3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng

Các lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng gồm:

1. Khoa học tự nhiên: Toán học và thống kê, Khoa học máy tính và thông tin, Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, Vật lý, Hóa học, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Sinh học, Khoa học tự nhiên khác.

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ: Kỹ thuật dân dụng, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử và viễn thông, Kỹ thuật thông tin, Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy, cơ khí động lực, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu và luyện kim, Kỹ thuật y học, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ sinh học môi trường, Công nghệ sinh học công nghiệp, Công nghệ nano, Kỹ thuật chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống, Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.

3. Khoa học y, dược: Y học cơ sở, Y học lâm sàng, Dược học, Công nghệ sinh học trong y học, Khoa học y, dược khác.

4. Khoa học nông nghiệp: Trồng trọt, Chăn nuôi, Thú y, Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghệ sinh học nông nghiệp, Khoa học nông nghiệp khác.

5. Khoa học xã hội: Tâm lý học, Kinh tế và kinh doanh, Khoa học giáo dục, Xã hội học, Pháp luật, Khoa học chính trị, Địa lý kinh tế và xã hội, Thông tin đại chúng và truyền thông, Khoa học xã hội khác.

6. Khoa học nhân văn: Lịch sử và khảo cổ học, Ngôn ngữ học, văn học và văn hóa, Triết học, Báo chí và thông tin, Đạo đức học và tôn giáo, Nghệ thuật, Khoa học nhân văn khác.

Điều 4. Điều kiện đối với công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng

1. Công trình của giảng viên trẻ tham gia xét Giải thưởng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mỗi công trình do 01 giảng viên trẻ chịu trách nhiệm thực hiện chính và số lượng thành viên tham gia không quá 05 người;

b) Công trình đã được nghiệm thu theo quy định và được công bố hoặc được ứng dụng trong thực tiễn ít nhất 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng;

c) Công trình chưa nhận hoặc chưa đồng thời gửi tham gia bất kỳ Giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế khác tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia xét Giải thưởng.

2. Đề tài của sinh viên tham gia xét Giải thưởng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mỗi đề tài do 01 sinh viên chịu trách nhiệm thực hiện chính, số lượng thành viên tham gia không quá 05 sinh viên và tối đa có 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người hướng dẫn chính;

b) Sản phẩm của đề tài được công bố hoặc ứng dụng trong thực tiễn ít nhất 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng. Các hình thức công bố bao gồm:

- Sách chuyên khảo, sách tham khảo được cấp giấy phép xuất bản.

- Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học.

- Báo cáo trình bày hoặc đăng trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

- Báo cáo hoặc trưng bày, trình diễn sản phẩm tại hội nghị, hội thảo, seminar (xêmina) từ cấp khoa trở lên.

- Ứng dụng trong thực tiễn có xác nhận của tổ chức, đơn vị sử dụng sản phẩm của đề tài.

c) Đề tài được cơ sở giáo dục đại học tổ chức đánh giá, lựa chọn gửi tham gia xét Giải thưởng;

d) Đề tài chưa nhận hoặc chưa gửi tham gia bất kỳ Giải thưởng cấp Bộ hoặc tương đương trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Khóa luận, đồ án tốt nghiệp không được gửi tham gia xét Giải thưởng.

3. Công trình, đề tài tham gia xét giải thưởng đảm bảo trung thực trong nghiên cứu khoa học;

4. Tính đến thời điểm xét tặng Giải thưởng, tác giả/tập thể tác giả không vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

Điều 5. Số lượng công trình, đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng

1. Số lượng công trình gửi tham gia xét Giải thưởng dành cho giảng viên trẻ của cơ sở giáo dục đại học do Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định.

2. Số lượng đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng dành cho sinh viên của cơ sở giáo dục đại học được xác định như sau:

a) Cơ sở giáo dục đại học có số lượng sinh viên đại học hệ chính quy từ 30.000 sinh viên trở lên được gửi tối đa 15 đề tài;

b) Cơ sở giáo dục đại học có số lượng sinh viên đại học hệ chính quy từ 20.000 đến dưới 30.000 sinh viên được gửi tối đa 10 đề tài;

c) Cơ sở giáo dục đại học có số lượng sinh viên đại học hệ chính quy từ 15.000 đến dưới 20.000 sinh viên được gửi tối đa 07 đề tài;

d) Cơ sở giáo dục đại học có số lượng sinh viên đại học hệ chính quy từ 10.000 đến dưới 15.000 sinh viên được gửi tối đa 05 đề tài;

đ) Cơ sở giáo dục đại học không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này được gửi tối đa 03 đề tài;

e) Cơ sở giáo dục đại học có đơn vị được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành tích xuất sắc trong tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong năm liền trước của năm tổ chức Giải thưởng được gửi thêm tối đa 02 đề tài;

g) Cơ sở giáo dục đại học có đề tài đạt giải nhất, giải nhì trong năm liền trước của năm tổ chức Giải thưởng quy định tại Quy chế này thì cứ mỗi giải nhất được gửi thêm 02 đề tài, mỗi giải nhì được gửi thêm 01 đề tài.

Điều 6. Nguồn kinh phí tổ chức Giải thưởng

1. Ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn huy động hợp pháp khác để chi cho công tác: Tổ chức đánh giá, xét giải vòng sơ khảo đối với công trình của giảng viên trẻ; tổ chức đánh giá, xét giải vòng chung khảo; hoạt động của Ban Chỉ đạo Giải thưởng; tổ chức lễ tổng kết, trao Giải thưởng và các hoạt động liên quan đến Giải thưởng; chi tiền thưởng cho các công trình của giảng viên trẻ đạt Giải thưởng; chi khen thưởng cho các tập thể theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Các định mức chi cụ thể cho công tác này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Kinh phí của cơ sở giáo dục đại học để chi cho công tác: Tổ chức lựa chọn công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng; hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên trẻ, sinh viên và người hướng dẫn sinh viên; hỗ trợ chi phí đi lại và ăn ở cho giảng viên trẻ, sinh viên, cán bộ tham dự phiên họp hội đồng vòng chung khảo và lễ tổng kết, trao Giải thưởng; tổ chức đánh giá và xét giải vòng sơ khảo đối với Giải thưởng dành cho sinh viên; chi tiền thưởng hằng năm cho sinh viên và người hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài đạt Giải thưởng. Nội dung chi và định mức chi do Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Chương II

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 7. Hồ sơ tham gia xét Giải thưởng

1. Hồ sơ tham gia xét Giải thưởng dành cho giảng viên trẻ bao gồm:

a) Bản đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng dành cho giảng viên trẻ (Mẫu 01a);

b) Ba (03) bản báo cáo tổng kết công trình tham gia xét Giải thưởng (Mẫu 04);

c) Một (01) bộ tài liệu minh chứng liên quan đến việc công bố (đối với công trình đã được công bố) hoặc văn bản xác nhận ứng dụng công trình của cơ quan có thẩm quyền (đối với công trình đã được ứng dụng trong thực tiễn); bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với công trình đề nghị xét Giải thưởng có sử dụng hoặc nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước (nếu có) theo mẫu 10 tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; bản sao các văn bản, tư liệu khoa học và công nghệ, tài liệu khác có liên quan đến công trình (nếu có).

d) Một (01) bản hồ sơ điện tử có đầy đủ tài liệu quy định tại điểm a, b và c khoản này.

2. Hồ sơ tham gia xét Giải thưởng dành cho sinh viên bao gồm:

a) Bản đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng dành cho sinh viên (Mẫu 01b);

b) Ba (03) bản báo cáo tổng kết đề tài tham gia xét Giải thưởng (Mẫu 04);

c) Một (01) bộ tài liệu minh chứng công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài (nếu có); bản sao các văn bản, tư liệu khoa học và công nghệ, tài liệu khác có liên quan đến công trình (nếu có);

d) Minh chứng kèm theo để xác định số lượng đề tài tối đa được gửi của cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

đ) Một (01) bản hồ sơ điện tử có đầy đủ tài liệu quy định tại điểm a, b, c và d khoản này.

Điều 8. Thời gian nộp hồ sơ, đánh giá, xét giải và tổ chức lễ trao Giải thưởng

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng trong quý I của năm tổ chức Giải thưởng.

2. Thời hạn nộp hồ sơ tham gia xét Giải thưởng (sau đây gọi tắt là hồ sơ Giải thưởng): trước ngày 30 tháng 6 của năm tổ chức Giải thưởng. Trong trường hợp đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo điều chỉnh thời hạn nộp hồ sơ.

3. Thời gian đánh giá, xét giải vòng sơ khảo, vòng chung khảo, công bố và trao Giải thưởng trước ngày 15 tháng 12 của năm tổ chức Giải thưởng và được thông báo đến các cơ sở giáo dục đại học có công trình/đề tài tham gia Giải thưởng và trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ Giải thưởng

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc ủy quyền cơ sở giáo dục đại học tổ chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ Giải thưởng.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học được ủy quyền giao tiếp nhận và xử lý hồ sơ Giải thưởng có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ Giải thưởng;

b) Phân loại, đánh mã số, lập danh mục công trình, đề tài theo từng chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng;

c) Tổng hợp danh mục công trình, đề tài có công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước hoặc đã được triển khai ứng dụng trong thực tiễn (kèm theo minh chứng).

Điều 10. Tính hợp lệ của hồ sơ Giải thưởng

Hồ sơ Giải thưởng hợp lệ phải đáp ứng đủ 04 điều kiện sau:

1. Có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Không hiện thị thông tin về giảng viên trẻ, sinh viên thực hiện, người hướng dẫn, tên cơ sở giáo dục đại học trong báo cáo tổng kết công trình, đề tài và các tài liệu khoa học liên quan (nếu có), trừ danh mục tài liệu tham khảo. Trong trường hợp đặc biệt, tên cơ sở giáo dục đại học là một phần trong tên công trình, đề tài hoặc nội dung nghiên cứu, hồ sơ được coi là hợp lệ.

3. Gửi hồ sơ Giải thưởng đúng thời hạn quy định. Ngày xác định nhận hồ sơ được tính theo một trong ba hình thức sau:

a) Ngày do cơ sở giáo dục đại học gửi hồ sơ đầy đủ đăng ký tham gia Giải thưởng qua hòm thư điện tử của Giải thưởng.

b) Ngày ghi ở dấu của bưu điện đối với trường hợp gửi qua bưu điện.

c) Ngày ghi ở dấu đến của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ngày ghi ở dấu đến của cơ sở giáo dục đại học được ủy quyền tổ chức tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp.

4. Đảm bảo quy định về đối tượng, lĩnh vực khoa học và công nghệ, điều kiện đối với công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng tại khoản 3 Điều 1, Điều 3 và Điều 4 của Quy chế này.

Chương III

QUY TRÌNH, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 11. Đánh giá công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng

1. Công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng được đánh giá qua 02 vòng: Vòng sơ khảo và vòng chung khảo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học được ủy quyền tổ chức các công việc sau:

a) Họp các hội đồng đánh giá và xét giải vòng sơ khảo (sau đây gọi tắt là hội đồng vòng sơ khảo);

b) Họp các hội đồng đánh giá và xét giải vòng chung khảo (sau đây gọi tắt là hội đồng vòng chung khảo);

c) Tổ chức Lễ tổng kết và trao Giải thưởng.

Điều 12. Hội đồng vòng sơ khảo

1. Thành phần Hội đồng: Hội đồng vòng sơ khảo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, có số lượng ít nhất 07 thành viên, gồm Chủ tịch; Phó Chủ tịch; 02 ủy viên phản biện đối với mỗi công trình, đề tài; 01 ủy viên thư ký khoa học (do Chủ tịch phân công tại phiên họp hội đồng) và các ủy viên. Hội đồng có tối đa 02 thư ký hành chính giúp việc. Thành viên hội đồng vòng sơ khảo là các chuyên gia, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn và am hiểu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng. Người hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài tham gia xét Giải thưởng không tham gia hội đồng.

2. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công bằng, khách quan, biểu quyết theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu;

b) Hội đồng chỉ xem xét những công trình, đề tài đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ Giải thưởng theo quy định;

c) Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có mặt chủ tịch hoặc phó chủ tịch (trong trường hợp chủ tịch vắng mặt và được chủ tịch ủy quyền) và ít nhất 01 ủy viên phản biện đối với mỗi công trình, đề tài. Thành viên hội đồng vắng mặt phải gửi nhận xét, đánh giá bằng văn bản trước khi phiên họp được tổ chức ít nhất 01 ngày;

d) Thư ký khoa học ghi chép ý kiến chuyên môn của các thành viên và kết luận của hội đồng trong biên bản họp hội đồng và các văn bản liên quan của hội đồng;

đ) Thư ký hành chính có trách nhiệm gửi tài liệu cuộc họp cho các thành viên ít nhất 07 ngày trước ngày họp hội đồng.

3. Trách nhiệm của thành viên hội đồng

a) Gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản đối với các công trình, đề tài được phân công phản biện tới thư ký khoa học của hội đồng tối thiểu 01 ngày trước phiên họp hội đồng;

b) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng. Các thành viên hội đồng và thư ký hành chính của hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá và xét giải;

c) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung trong báo cáo tổng kết công trình, đề tài; nhận xét, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng công trình, đề tài theo yêu cầu tại biểu mẫu quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá mỗi công trình, đề tài.

4. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự;

b) Đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo tham dự phiên họp hội đồng nêu các yêu cầu, nội dung chủ yếu về việc đánh giá và xét giải vòng sơ khảo;

c) Chủ tịch hội đồng thông qua chương trình làm việc, phân công thư ký khoa học. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 người là thành viên của hội đồng, trong đó có 01 trưởng ban và 02 thành viên;

d) Các thành viên hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá từng công trình, đề tài và so sánh giữa các công trình, đề tài với nhau theo tiêu chí đánh giá công trình

quy định tại khoản 1 Điều 13 và theo tiêu chí đánh giá đề tài quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này;

đ) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo; thông báo danh mục công trình, đề tài đã được triển khai ứng dụng trong thực tiễn hoặc có công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của công trình, đề tài trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước;

e) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng công trình, đề tài theo các tiêu chí đánh giá quy định;

g) Hội đồng cho điểm độc lập từng công trình, đề tài vào phiếu đánh giá công trình/phiếu đánh giá đề tài. Phiếu đánh giá có đóng dấu treo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được phát tại phiên họp hội đồng;

h) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá công trình, đề tài của các thành viên hội đồng theo mẫu Biên bản kiểm phiếu đánh giá công trình, đề tài;

i) Ban kiểm phiếu công bố công khai kết quả đánh giá từng công trình, đề tài. Hội đồng thông qua biên bản họp hội đồng vòng sơ khảo;

k) Thư ký khoa học hoàn thiện biên bản họp hội đồng, tổng hợp tài liệu phục vụ phiên họp hội đồng quy định tại khoản 6 Điều này và gửi cho Thường trực Ban Chỉ đạo Giải thưởng chậm nhất 03 ngày sau khi kết thúc phiên họp hội đồng cùng với báo cáo tổng kết của các công trình, đề tài được chọn vào vòng chung khảo.

5. Tài liệu phục vụ phiên họp hội đồng

a) Quyết định thành lập hội đồng kèm theo danh mục công trình, đề tài;

b) Các báo cáo tổng kết công trình, đề tài;

c) Danh mục và minh chứng kèm theo các công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của công trình, đề tài (nếu có);

d) Phiếu nhận xét công trình của thành viên hội đồng (Mẫu 07)/Phiếu nhận xét đề tài của thành viên hội đồng (Mẫu 09);

đ) Phiếu đánh giá công trình của thành viên hội đồng (Mẫu 08)/Phiếu đánh giá đề tài của thành viên hội đồng (Mẫu 10);

e) Biên bản kiểm phiếu đánh giá công trình/đề tài vòng sơ khảo (Mẫu 11);

g) Biên bản họp hội đồng đánh giá công trình/đề tài vòng sơ khảo (Mẫu 12).

Điều 13. Tiêu chí đánh giá và xét giải ở vòng sơ khảo

1. Thang điểm và tiêu chí đánh giá đối với công trình

Thang điểm để đánh giá công trình là thang điểm 100 theo các tiêu chí sau:

a) Giá trị về khoa học/công nghệ: Công trình có đóng góp mới vào sự phát triển, bổ sung tri thức mới, mở ra hướng nghiên cứu mới hoặc mở ra hướng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, khả thi; đóng góp mới về nhận thức, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, cơ sở lý luận, phân tích bản chất của sự vật hoặc có tính mới về học thuật, phương pháp, lý luận công nghệ, trực tiếp giải quyết được những vấn đề về công nghệ, sáng tạo ra công nghệ mới/giải pháp kỹ thuật mới, tạo ra sản phẩm mới, cải tiến kỹ thuật (điểm tối đa là 40);

b) Giá trị về thực tiễn: Công trình có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của ngành, địa phương hoặc ngành giáo dục và đào tạo; có mức độ, thời gian, ảnh hưởng và phạm vi đóng góp cụ thể, rõ ràng, có tính ứng dụng hoặc có sản phẩm công nghệ được chuyển giao trong thực tiễn (điểm tối đa là 45);

c) Có sản phẩm công bố khoa học và công nghệ từ kết quả của đề tài (điểm tối đa là 15), cụ thể (chọn 01 trong các sản phẩm):

- Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện và có mã số ISBN (điểm tối đa là 10);

- Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín (điểm tối đa là 15).

- Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận (điểm tối đa là 15).

2. Thang điểm và tiêu chí đánh giá đối với đề tài

Thang điểm để đánh giá đề tài là thang điểm 100 theo các tiêu chí sau:

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu (điểm tối đa là 10);

b) Nội dung nghiên cứu (điểm tối đa là 20);

c) Phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa là 15);

d) Kết quả nghiên cứu (điểm tối đa là 40);

đ) Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài (điểm tối đa là 05);

e) Có công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài (điểm tối đa là 10), cụ thể (chọn 01 trong các sản phẩm):

- Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện (điểm tối đa là 05);

- Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín (điểm tối đa là 10);

- Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận (điểm tối đa là 10).

3. Xét giải ở vòng sơ khảo

a) Kết quả đánh giá công trình, đề tài ở vòng sơ khảo là điểm trung bình cộng của các thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp hội đồng;

b) Căn cứ kết quả đánh giá công trình, đề tài ở vòng sơ khảo, Hội đồng đề nghị Ban Chỉ đạo Giải thưởng xét giải ba, giải khuyến khích và các công trình, đề tài vào vòng chung khảo;

c) Điểm tối thiểu để được xét Giải thưởng là 70 điểm, trong đó:

- Công trình, đề tài được chọn vào vòng chung khảo: Điểm trung bình đạt từ 85 đến 100 điểm;

- Công trình, đề tài được xét giải ba: Điểm trung bình đạt từ 80 đến dưới 85 điểm;

- Công trình, đề tài được xét giải khuyến khích: Điểm trung bình đạt từ 70 đến dưới 80 điểm;

d) Công trình, đề tài không được xét giải nếu đạt dưới 70 điểm hoặc bị phát hiện hồ sơ không hợp lệ.

Điều 14. Công tác chuẩn bị tổ chức hội đồng vòng chung khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Công bố danh sách công trình, đề tài được lựa chọn vào vòng chung khảo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tối thiểu 15 ngày trước thời gian tổ chức họp các hội đồng vòng chung khảo;

b) Hướng dẫn giảng viên trẻ, sinh viên chuẩn bị trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu; phối hợp với cơ sở giáo dục đại học được giao tiếp nhận hồ sơ Giải thưởng tổ chức họp các hội đồng vòng chung khảo.

2. Cơ sở giáo dục đại học có công trình, đề tài được chọn vào vòng chung khảo có trách nhiệm thông báo và tạo điều kiện cho giảng viên trẻ, sinh viên chuẩn bị trình bày báo cáo tại phiên họp hội đồng vòng chung khảo; cử đại diện tham dự phiên họp hội đồng vòng chung khảo.

3. Giảng viên trẻ, sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện công trình, đề tài được lựa chọn vào vòng chung khảo cần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu và trả lời câu hỏi tại phiên họp hội đồng.

Điều 15. Hội đồng vòng chung khảo

1. Hội đồng vòng chung khảo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập.

2. Số lượng và thành viên hội đồng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Quy chế này.

3. Nguyên tắc làm việc của hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy chế này.

4. Trách nhiệm của thành viên hội đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Quy chế này.

5. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự;

b) Đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo tham dự phiên họp hội đồng nêu các yêu cầu, nội dung chủ yếu về việc đánh giá và xét giải vòng chung khảo;

c) Chủ tịch hội đồng thông qua chương trình làm việc, phân công thư ký khoa học. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 người là thành viên của hội đồng, trong đó có 01 trưởng ban và 02 thành viên;

d) Giảng viên trẻ, sinh viên/nhóm sinh viên thực hiện công trình, đề tài trình bày báo cáo tóm tắt; giới thiệu về kết quả nghiên cứu của công trình, đề tài đã được triển khai ứng dụng trong thực tiễn hoặc có công bố khoa học trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước (kèm theo minh chứng);

đ) Các thành viên hội đồng đặt câu hỏi; giảng viên trẻ, sinh viên/nhóm sinh viên trả lời từng câu hỏi của thành viên hội đồng;

e) Các thành viên hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá từng công trình, đề tài và so sánh giữa các công trình, đề tài với nhau theo tiêu chí đánh giá công trình quy định tại khoản 1 Điều 16 và theo tiêu chí đánh giá đề tài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này. Trong thời gian hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá, nhóm tác giả và đại diện cơ sở giáo dục đại học không tiếp tục tham dự phiên họp hội đồng;

g) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo; công bố số lượng giải nhất, giải nhì

được xét chọn tối đa cho mỗi lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng đối với công trình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 và đối với đề tài quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Quy chế này;

h) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng công trình, đề tài theo các tiêu chí đánh giá quy định;

i) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 người là ủy viên của hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và 02 thành viên;

k) Hội đồng bỏ phiếu xét chọn đề tài đạt giải nhất cho mỗi lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng (phiếu có đóng dấu treo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được phát tại phiên họp hội đồng);

l) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu xét chọn giải nhất của các thành viên hội đồng theo mẫu Biên bản kiểm phiếu xét chọn giải nhất và công bố công khai kết quả bỏ phiếu xét chọn giải nhất;

m) Sau khi công bố đề tài được đề nghị đạt giải nhất, hội đồng bỏ phiếu xét chọn đề tài đạt giải nhì cho mỗi lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng trong số các đề tài còn lại (phiếu có đóng dấu treo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được phát tại phiên họp hội đồng);

n) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu xét chọn giải nhì của các thành viên hội đồng theo mẫu Biên bản kiểm phiếu xét chọn giải nhì và công bố công khai kết quả bỏ phiếu xét chọn giải nhì;

o) Hội đồng công bố công khai danh sách công trình, đề tài được đề nghị xét giải nhất, giải nhì, giải ba (nếu có) và thông qua biên bản họp hội đồng vòng chung khảo;

p) Thư ký khoa học hoàn thiện biên bản họp hội đồng, tổng hợp các tài liệu phục vụ phiên họp hội đồng quy định tại khoản 6 Điều này và gửi cho Thường trực Ban Chỉ đạo Giải thưởng chậm nhất 01 ngày sau khi phiên họp hội đồng kết thúc.

6. Tài liệu phục vụ phiên họp hội đồng

a) Quyết định thành lập hội đồng kèm theo danh mục công trình/đề tài;

b) Các báo cáo tổng kết công trình/đề tài;

c) Phiếu nhận xét công trình được chọn vào vòng chung khảo của thành viên hội đồng (Mẫu 13)/Phiếu nhận xét đề tài được chọn vào vòng chung khảo của thành viên hội đồng (Mẫu 14);

d) Phiếu đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhất (Mẫu 15);

đ) Biên bản kiểm phiếu xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhất (Mẫu 17);

e) Phiếu đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhì (Mẫu 16);

g) Biên bản kiểm phiếu xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhì (Mẫu 18);

h) Biên bản họp hội đồng đánh giá và xét giải vòng chung khảo (Mẫu 19).

Điều 16. Tiêu chí đánh giá và xét giải ở vòng chung khảo

1. Tiêu chí đánh giá công trình ở vòng chung khảo:

a) Theo các tiêu chí được quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;

b) Phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu của giảng viên trẻ thực hiện công trình và trả lời đúng các câu hỏi của thành viên hội đồng liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của công trình tại phiên họp hội đồng.

2. Tiêu chí đánh giá đề tài ở vòng chung khảo:

a) Theo các tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này;

b) Phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu của sinh viên/nhóm sinh viên thực hiện đề tài và trả lời đúng các câu hỏi của thành viên hội đồng liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài tại phiên họp hội đồng.

3. Xét giải ở vòng chung khảo:

a) Xét chọn giải nhất: Công trình, đề tài có tỷ lệ phần trăm số phiếu đồng ý xét chọn giải nhất của hội đồng đạt từ 70% trở lên được hội đồng đề nghị đạt giải nhất.

b) Xét chọn giải nhì: Đề tài có tỷ lệ phần trăm số phiếu đồng ý xét chọn giải nhì của hội đồng đạt từ 70% trở lên được hội đồng đề nghị đạt giải nhì.

c) Đối với công trình, đề tài không được đề nghị đạt giải nhất hoặc giải nhì, hội đồng đề nghị đạt giải ba.

d) Trường hợp phát hiện công trình, đề tài không phải do giảng viên trẻ, sinh viên thực hiện; vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả hoặc vi phạm một trong các hình thức theo quy định tại Quy chế này, hội đồng đề nghị không xét giải.

đ) Những công trình, đề tài không báo cáo tại hội đồng thì không được xét Giải thưởng. Trong trường hợp đặc biệt, cơ sở giáo dục đại học quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị Ban Chỉ đạo Giải thưởng xem xét, quyết định hình thức báo cáo trực tuyến.

e) Tác giả chính của công trình, đề tài vì lý do bất khả kháng không thể tham dự phiên họp có thể uỷ quyền cho thành viên của nhóm nghiên cứu trình bày báo cáo tại hội đồng. Giấy ủy quyền cần có xác nhận của cơ sở giáo dục đại học quản lý trực tiếp.

g) Căn cứ kết quả đánh giá công trình, đề tài ở vòng chung khảo, hội đồng đề nghị Ban Chỉ đạo Giải thưởng xét tặng giải nhất, giải nhì và giải ba (nếu có).

Điều 17. Cơ cấu, mức thưởng và nguyên tắc xếp Giải thưởng

1. Cơ cấu Giải thưởng và tiền thưởng đối với công trình

a) Cơ cấu Giải thưởng

- Giải Nhất: Không quá 02 Giải thưởng/lĩnh vực;

- Giải Nhì: Không quá 05 Giải thưởng/lĩnh vực;

- Giải Ba: Không quá 07 Giải thưởng/lĩnh vực;

- Giải Khuyến khích: Không quá 10 Giải thưởng/lĩnh vực.

b) Tiền thưởng để tặng thưởng cho công trình đạt giải thưởng lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mức thưởng cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Cơ cấu Giải thưởng và tiền thưởng đối với đề tài

a) Cơ cấu Giải thưởng

- Giải Nhất: Không quá 02 giải nhất hoặc 3% tổng số đề tài của mỗi lĩnh vực;

- Giải Nhì: Không quá 17% tổng số đề tài của mỗi lĩnh vực;

- Giải Ba: Không quá 25% tổng số đề tài của mỗi lĩnh vực;

- Giải Khuyến khích: Không quá 40% tổng số đề tài của mỗi lĩnh vực.

Trường hợp đặc biệt, Ban Chỉ đạo Giải thưởng quyết định số lượng Giải thưởng của mỗi lĩnh vực khoa học và công nghệ.

b) Tiền thưởng để tặng thưởng cho sinh viên, nhóm sinh viên có đề tài đạt khuyến khích trở lên và người hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài đạt giải nhất lấy từ nguồn kinh phí của cơ sở giáo dục đại học. Căn cứ tình hình tài chính của đơn vị, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định mức chi thưởng theo quy định hiện hành và được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Nguyên tắc xếp giải

a) Căn cứ kết quả đề xuất xét chọn của hội đồng đánh giá vòng chung khảo, Ban Chỉ đạo giải thưởng xem xét, quyết định công trình, đề tài đạt giải nhất, giải nhì của mỗi lĩnh vực khoa học và công nghệ;

b) Căn cứ kết quả đề xuất xét chọn của hội đồng đánh giá vòng sơ khảo, Ban Chỉ đạo giải thưởng xem xét, quyết định công trình, đề tài đạt giải ba, giải khuyến khích của mỗi lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Chương IV
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Khen thưởng cá nhân

1. Công trình đạt giải

a) Giảng viên trẻ và nhóm tác giả có công trình đạt giải nhất được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Huy hiệu Tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

b) Giảng viên trẻ và nhóm tác giả có công trình đạt giải nhì được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Giảng viên trẻ và nhóm tác giả có công trình đạt giải ba và giải khuyến khích được tặng Bằng khen Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Đề tài đạt giải

a) Sinh viên/nhóm sinh viên có đề tài đạt giải nhất được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Huy hiệu Tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

b) Sinh viên/nhóm sinh viên có đề tài đạt giải nhì được tặng Bằng khen của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

c) Sinh viên/nhóm sinh viên có đề tài đạt giải ba và giải khuyến khích được tặng Giấy khen của Quỹ Hỗ trợ Sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam - VIFOTEC.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận cho giảng viên trẻ, sinh viên, nhóm sinh viên và người hướng dẫn sinh viên có đề tài đạt Giải thưởng.

Điều 19. Khen thưởng tập thể

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho cơ sở giáo dục đại học về thành tích nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ tham gia Giải thưởng nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có nhiều sáng kiến trong công tác quản lý và tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ trong thời gian 03 năm (có minh chứng kèm theo);

b) Thuộc danh sách 15 cơ sở giáo dục đại học có điểm trung bình cộng cao nhất của công trình đạt giải nhất, giải nhì theo hệ số:

- Giải nhất: hệ số là 10;

- Giải nhì: hệ số là 5.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho 01 đơn vị tiêu biểu thuộc cơ sở giáo dục đại học tham gia Giải thưởng về thành tích xuất sắc trong tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có nhiều đóng góp, thành tích trong công tác quản lý và tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong năm tổ chức Giải thưởng (có minh chứng kèm theo);

b) Thuộc danh sách 20 cơ sở giáo dục đại học có điểm trung bình cộng cao nhất của đề tài đạt giải nhất, giải nhì theo hệ số:

- Giải nhất: hệ số là 10;

- Giải nhì: hệ số là 5.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện công trình, đề tài đã được trao Giải thưởng không đáp ứng yêu cầu và có vi phạm một trong các quy định tại Điều 4 của Quy chế này thì tuỳ theo mức độ sẽ bị thu hồi Giải thưởng và xử lý kỷ luật đối với tác giả/nhóm tác giả của công trình, đề tài vi phạm theo quy định hiện hành.

2. Cơ sở giáo dục đại học có công trình của giảng viên trẻ và đề tài của sinh viên bị xử lý vi phạm tại khoản 1 Điều này sẽ không được xem xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho tập thể trong năm tổ chức Giải thưởng và không được gửi số lượng công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều 5 của Quy chế này trong năm tổ chức Giải thưởng tiếp theo.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Ban Chỉ đạo Giải thưởng

1. Ban Chỉ đạo Giải thưởng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập. Thành viên Ban Chỉ đạo là đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Quỹ Hỗ trợ Sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam - VIFOTEC), Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đơn vị có liên quan. Ban Chỉ đạo Giải thưởng trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức xét và trao Giải thưởng.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo là đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Giải thưởng, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các công việc tổ chức Giải thưởng.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học

1. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học có công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn giảng viên trẻ, sinh viên thực hiện Quy chế này;

b) Tổ chức xét chọn công trình, đề tài; lập hồ sơ Giải thưởng và chịu trách nhiệm về hồ sơ Giải thưởng theo quy định về số lượng tại Điều 5 của Quy chế này;

c) Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho giảng viên trẻ, sinh viên tham gia Giải thưởng;

d) Hỗ trợ về kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này;

đ) Thưởng tiền cho các đề tài của sinh viên đạt giải theo định mức thưởng tối thiểu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 của Quy chế này;

2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học được giao tiếp nhận hồ sơ Giải thưởng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 9 và khoản 2 Điều 11 của Quy chế này;

b) Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ Giải thưởng; phối hợp tổ chức họp các hội đồng vòng sơ khảo, hội đồng vòng chung khảo, lễ trao Giải thưởng và các hoạt động liên quan khác.

Điều 23. Trách nhiệm, quyền lợi của giảng viên trẻ có công trình tham gia xét Giải thưởng

1. Trách nhiệm của giảng viên trẻ

a) Tham gia Giải thưởng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Chịu trách nhiệm mọi mặt về công trình của bản thân tham gia xét Giải thưởng theo Quy chế này.

2. Quyền lợi của giảng viên trẻ

a) Giảng viên trẻ chịu trách nhiệm chính thực hiện công trình đạt giải nhất, giải nhì được xét ưu tiên tham gia chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

b) Giảng viên trẻ có công trình đạt từ giải ba trở lên được miễn giảm giờ nghiên cứu khoa học trong quy định về chế độ làm việc của giảng viên và được ưu tiên trong quá trình xét thi đua và hình thức khen thưởng tại cơ sở giáo dục đại học trong năm xét tặng Giải thưởng.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền lợi của sinh viên có đề tài tham gia xét Giải thưởng

1. Trách nhiệm của sinh viên

a) Tham gia Giải thưởng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi sinh viên chỉ được tham gia thực hiện 01 đề tài;

b) Chịu trách nhiệm về đề tài của bản thân tham gia xét Giải thưởng theo Quy chế này.

2. Quyền lợi của sinh viên

a) Được tạo điều kiện và hỗ trợ về kinh phí khi tham gia nghiên cứu khoa học;

b) Được hưởng các quyền lợi khác đối với kết quả nghiên cứu của đề tài theo quy định hiện hành.

Điều 25. Trách nhiệm, quyền lợi của người hướng dẫn sinh viên có đề tài tham gia xét Giải thưởng

1. Người hướng dẫn chịu trách nhiệm về nội dung của đề tài tham gia hướng dẫn và được hướng dẫn chính tối đa 02 đề tài tham gia xét Giải thưởng.

2. Quyền lợi của người hướng dẫn

a) Được xác nhận tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài đạt Giải thưởng;

b) Được tính giờ nghiên cứu khoa học và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành có liên quan sau khi hoàn thành việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

c) Người hướng dẫn chính được ghi nhận và ưu tiên trong quá trình xét thi đua và hình thức khen thưởng tại cơ sở giáo dục đại học trong năm xét tặng Giải thưởng.

Điều 26. Lưu trữ hồ sơ và kết quả Giải thưởng

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm lưu trữ theo quy định đối với các tài liệu sau:

a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập các hội đồng vòng sơ khảo; biên bản họp các hội đồng vòng sơ khảo kèm theo biên bản kiểm phiếu đánh giá công trình, đề tài;

b) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập các hội đồng vòng chung khảo; biên bản họp các hội đồng vòng chung khảo kèm theo biên bản kiểm phiếu xét chọn giải nhất, biên bản kiểm phiếu xét chọn giải nhì;

c) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp giấy chứng nhận cho giảng viên trẻ, sinh viên và người hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài đạt Giải thưởng;

d) Danh sách công trình, đề tài, giảng viên trẻ, sinh viên tham gia xét Giải thưởng có ghi kết quả xếp giải.

2. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm lưu trữ theo quy định đối với các tài liệu sau:

a) Hồ sơ Giải thưởng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

b) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp giấy chứng nhận cho giảng viên trẻ và nhóm tác giả có công trình đạt Giải thưởng, sinh

viên/nhóm sinh viên và người hướng dẫn sinh viên có đề tài đạt Giải thưởng của cơ sở giáo dục đại học;

c) Danh sách công trình, đề tài tham gia xét Giải thưởng có ghi kết quả xếp giải của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, chính xác, công khai các quy định của Quy chế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục

Mẫu 01a	Bản đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng dành cho giảng viên trẻ
Mẫu 01b	Bản đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng dành cho sinh viên
Mẫu 02	Trang bìa chính của báo cáo tổng kết công trình/đề tài
Mẫu 03	Trang bìa phụ của báo cáo tổng kết công trình/đề tài
Mẫu 04	Báo cáo tổng kết công trình/đề tài
Mẫu 05	Văn bản xác nhận ứng dụng công trình/đề tài
Mẫu 06	Báo cáo hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên
Mẫu 07a	Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học
Mẫu 07b	Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học
Mẫu 08	Phiếu nhận xét công trình của thành viên hội đồng
Mẫu 09	Phiếu đánh giá công trình của thành viên hội đồng
Mẫu 10	Phiếu nhận xét đề tài của thành viên hội đồng
Mẫu 11	Phiếu đánh giá đề tài của thành viên hội đồng
Mẫu 12	Biên bản kiểm phiếu đánh giá công trình/đề tài vòng sơ khảo
Mẫu 13	Biên bản họp hội đồng đánh giá công trình/đề tài vòng sơ khảo
Mẫu 14	Phiếu nhận xét công trình được chọn vào vòng chung khảo của thành viên hội đồng

Mẫu 15 Phiếu nhận xét đề tài được chọn vào vòng chung khảo của thành viên hội đồng

Mẫu 16 Phiếu đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhất

Mẫu 17 Phiếu đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhì

Mẫu 18 Biên bản kiểm phiếu xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhất

Mẫu 19 Biên bản kiểm phiếu xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhì

Mẫu 20 Biên bản họp hội đồng đánh giá và xét giải vòng chung khảo

Mẫu 01a. Bản đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng dành cho giảng viên trẻ (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ĐĂNG KÝ

Xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ trong cơ sở giáo dục đại học năm...

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

1. Tôi là: .....

2. Học hàm, học vị *(chỉ dành cho giảng viên trẻ):* .....

3. Ngày, tháng, năm sinh: .....

4. Nơi ở hiện nay: .....

5. Số chứng minh thư nhân dân: .....

6. Địa chỉ liên hệ: .....

7. Điện thoại:..... E-mail: .....

8. Nơi công tác: .....

Sau khi nghiên cứu Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đối chiếu với điều kiện và tiêu chí xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học, tôi đăng ký tham gia Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho giảng viên trẻ năm .....

9. Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ: *(Theo Điều 3 Quy chế này)* .....

10. Hồ sơ kèm theo:

- Biên bản nghiệm thu công trình;
- Báo cáo tổng kết công trình;
- Văn bản xác nhận ứng dụng công trình;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(đối với công trình đề nghị xét tặng giải thưởng có sử dụng hoặc nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước);*

- Các sản phẩm công bố từ kết quả của công trình;
- Các giải thưởng khác của công trình đã đạt được (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có);

11. Danh sách đồng tác giả của công trình/đề tài :

TT	Học hàm/học vị	Họ và tên	Năm sinh	Các nội dung đã thực hiện	Chức vụ	Đơn vị công tác/ Địa chỉ, email, điện thoại	Chữ ký
1							
2							
3							
4							
5							

Sau khi tìm hiểu Quy chế xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học, chúng tôi/tôi xin cam đoan: Công trình đăng ký tham dự Giải thưởng tại Bản đăng ký này là của chúng tôi/tôi, do chúng tôi/tôi trực tiếp nghiên cứu, sáng tạo ra và các tài liệu gửi kèm là hoàn toàn phù hợp với bản gốc mà chúng tôi/tôi đang giữ.

Công trình chưa nhận bất kỳ hoặc gửi đồng thời tham gia giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế khác tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia xét Giải thưởng. Chúng tôi/tôi cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ ai, nếu sai chúng tôi/tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đăng ký
(Giảng viên trẻ thực hiện chính hoặc đại diện hợp pháp của nhóm tác giả công trình ký và ghi rõ họ,tên)

Mẫu 01b. Bản đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng dành cho sinh viên (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ĐĂNG KÝ

Xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học năm...

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

Căn cứ Quy chế xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch số /BGDĐT-KHCNMT ngày / / về việc tổ chức xét tặng giải thưởng, Trường..... cử sinh viên/nhóm sinh viên tham gia giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học năm...., cụ thể như sau:

1. Họ và tên sinh viên chịu trách nhiệm thực hiện chính:..... 2. Giới tính:..... 3. Quốc tịch:..... 4. Là sinh viên chính thực hiện đề tài:..... 5. Lớp/Khoa/Viện/Năm đào tạo:..... 6. Thuộc cơ sở đào tạo:.....	Ảnh 3 x 4

7. Số điện thoại:..... Email:.....

8. Tên đề tài:.....

9. Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ/Chuyên ngành cụ thể của lĩnh vực khoa học và công nghệ: *(Chi tiết tại Điều 3 Quy chế này).*.....

10. Thời gian bắt đầu thực hiện đề tài:.....

11. Thời gian hoàn thành, công bố đề tài:.....

12. Hồ sơ kèm theo:.....

- Báo cáo tổng kết đề tài
- Văn bản xác nhận ứng dụng đề tài
- Các sản phẩm công bố từ kết quả của đề tài
- Các giải thưởng khác của đề tài đã đạt được (nếu có):
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có):

13. Danh sách các thành viên thực hiện đề tài:

TT	Họ và tên	Khoa/Lớp/Trường	Địa chỉ, email, điện thoại	Ảnh (3 x 4)	Chữ ký
1					
2					
3					
4					
5					

Sau khi tìm hiểu Quy chế xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học, Trường..... xin cam đoan: Đề tài chưa nhận bất kỳ hoặc gửi đồng thời tham gia giải thưởng cấp Bộ hoặc tương đương trở lên tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia xét giải thưởng. Nhà trường cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ ai và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện nhóm sinh viên thực hiện
(Sinh viên thực hiện chính hoặc đại diện nhóm sinh viên ký và ghi rõ họ,tên)

Mẫu 02. Trang bìa chính của báo cáo tổng kết công trình/đề tài (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÁO CÁO TỔNG KẾT

CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI THAM GIA XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN TRONG CỞ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NĂM...

TÊN CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI:

Lĩnh vực khoa học và công nghệ: (*Theo Điều 3 Quy chế này)*
Chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ:
(Ghi rõ chuyên ngành cụ thể thuộc 06 lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tặng giải thưởng)

Mẫu 03. Trang bìa phụ của báo cáo tổng kết công trình/đề tài (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

***Ghi chú:** Trang này để rời, không đóng gộp vào báo cáo tổng kết công trình/đề tài*

<TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC>

BÁO CÁO TỔNG KẾT

CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI THAM GIA XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN TRONG CỞ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NĂM...

TÊN CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI:

Lĩnh vực khoa học và công nghệ: (*Theo Điều 3 Quy chế này)*

Chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ: *(Ghi rõ chuyên ngành cụ thể thuộc 06 lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tặng giải thưởng)*

Giảng viên trẻ/Sinh viên thực hiện: <họ và tên> Nam, Nữ:

(Ghi rõ họ và tên giảng viên trẻ/sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện công trình/đề tài)

Chuyên ngành:

Người hướng dẫn chính: <Chức danh khoa học, học vị, họ tên> (đối với đề tài của sinh viên)

Mẫu 04. Báo cáo tổng kết công trình/đề tài (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Báo cáo tổng kết công trình/đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên

1. Báo cáo tổng kết công trình/đề tài là cơ sở để hội đồng đánh giá kết quả thực hiện công trình/đề tài khoa học và công nghệ của giảng viên trẻ/sinh viên. Báo cáo tổng kết phải phản ánh đầy đủ nội dung, kết quả thực hiện công trình/đề tài và phải được đóng thành quyển.

2. Hình thức của báo cáo tổng kết công trình/đề tài

- Khổ giấy A4 (210 x 297 mm); đóng bìa mica.

- Số trang tối đa là 80 trang *(không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục)*; phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13; paragraph 1,3 - 1,5 line; lề trái 3 cm; lề trên, lề dưới, lề phải 2 cm.

- Số thứ tự của trang ở chính giữa trang, phía trên.

- Tài liệu tham khảo và phụ lục *(nếu có)*: Tối đa là 40 trang; tên các tác giả nước ngoài nêu trong báo cáo tổng kết phải viết theo đúng ngôn ngữ trong tài liệu nguyên bản được trích dẫn.

- Không gạch dưới các từ, câu trong báo cáo tổng kết; không viết lời cám ơn và không được ký tên.

- Ngôn ngữ sử dụng trong báo cáo tổng kết: Tiếng Việt, tiếng Anh hoặc ngôn ngữ khác thì yêu cầu phải có bản dịch ra Tiếng Việt.

II. Cấu trúc báo cáo tổng kết

1. Bìa báo cáo;

a) Trang bìa chính (mẫu 1).

b) Trang bìa phụ (mẫu 2): không đóng gộp vào báo cáo tổng kết công trình/đề tài.

2. Mục lục;

3. Danh mục bảng biểu;

4. Danh mục những từ viết tắt (xếp theo thứ tự bảng chữ cái);

5. Mở đầu;

6. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực công trình/đề tài;

7. Lý do lựa chọn công trình/đề tài;

8. Mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu của công trình/đề tài;

9. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

10. Kết quả nghiên cứu và thảo luận: Trình bày thành các chương 1, 2, 3,...; nêu các kết quả nghiên cứu đạt được và đánh giá về các kết quả này.

11. Kết luận và kiến nghị:

a) Phần kết luận: Kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện. Đánh giá những đóng góp mới của công trình/đề tài;

b) Phần kiến nghị: Các đề xuất được rút ra từ kết quả nghiên cứu. Đề xuất về các nghiên cứu tiếp theo; các biện pháp cần thiết để có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống và sản xuất; các kiến nghị về cơ chế, chính sách.

12. Tài liệu tham khảo: Tài liệu tham khảo là danh mục sách, báo, tài liệu các loại được sử dụng để tham khảo trong quá trình nghiên cứu. Sắp xếp các nguồn tài liệu và các sách xuất bản đã tham khảo để tiến hành đề tài, thông thường được trình bày theo thứ tự: họ và tên tác giả, nhan đề, các yếu tố về xuất bản. Các văn bản được xếp theo trình tự: văn bản pháp quy; sách, báo, tạp chí; bài viết của các tác giả...; trong mỗi loại được xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

13. Phụ lục (nếu có) bao gồm các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ, bảng liệt kê các tư liệu... để minh họa cho báo cáo tổng kết công trình/đề tài.

Mẫu 05. Văn bản xác nhận ứng dụng công trình/đề tài (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm....

VĂN BẢN XÁC NHẬN ỨNG DỤNG CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA TÁC GIẢ

1. Thông tin chung về tác giả công trình/đề tài:

Họ và tên:..... Quốc tịch:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Nơi công tác/cơ sở giáo dục đại học:.....

2. Công trình/đề tài khoa học công nghệ

Tên công trình/đề tài:.....

Lĩnh vực khoa học và công nghệ: (*Theo Điều 3 Quy chế này)*.....

Thời gian ứng dụng:.....

3. Cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân tạo ra công trình/đề tài

Tên cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Họ và tên người đứng đầu cơ quan:.....

4. Nội dung ứng dụng của công trình/đề tài:

5. Hiệu quả ứng dụng của công trình/đề tài:

Hiệu quả về khoa học công nghệ:.....

Hiệu quả về kinh tế:.....

Hiệu quả về xã hội:.....

Hiệu quả về môi trường:.....

Hiệu quả các lĩnh vực khác (nếu có):.....

6. Sản phẩm công bố khoa học và công nghệ từ kết quả của công trình/đề tài *(ghi rõ họ tên tác giả, nhan đề và các yếu tố về xuất bản nếu có)* hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu *(nếu có)*:

Xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân tạo ra công trình/đề tài	**Tác giả/đại diện tác giả công trình/đề tài** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

II. PHẦN XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC ỨNG DỤNG CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung về tổ chức ứng dụng công trình/đề tài

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số Quyết định thành lập (nếu có):.....

Lĩnh vực đăng ký hoạt động chính: đăng ký kinh doạn (nếu có):.....

Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....

2. Nội dung xác nhận

Nội dung đã ứng dụng của công trình/đề tài

Hiệu quả ứng dụng về khoa học và công nghệ

Hiệu quả ứng dụng về kinh tế

Hiệu quả ứng dụng về xã hội

Hiệu quả ứng dụng về môi trường

Hiệu quả ứng dụng lĩnh vực khác

Tổ chức ứng dụng công trình/đề tài

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu xác nhận)

Mẫu 06. Báo cáo hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN ĐƠN VỊ.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Vv: báo cáo hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên	*.....ngày... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

1. Báo cáo về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên *(trong năm trước năm tổ chức Giải thưởng và trong năm tổ chức Giải thưởng)*

Đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên:

a) Kế hoạch và nội dung tổ chức hội nghị, hội thảo về nghiên cứu khoa học, thành tích tham gia các giải thưởng khoa học và công nghệ của giảng viên trẻ/sinh viên;

b) Tình hình triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của giảng viên trẻ/sinh viên.

c) Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên *(Mẫu 6a)*

d) Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên *(Mẫu 6b)*

2. Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên:

a) Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên theo kế hoạch khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

b) Việc ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên và tổ chức triển khai thực hiện tại cơ sở giáo dục đại học; Quy định mức chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ/sinh viên trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở.

c) Quy định số giờ nghiên cứu khoa học cho người hướng dẫn một đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên và số giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ;

d) Quy định các hình thức khen thưởng đối với cán bộ, giảng viên trẻ, sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; các hình thức xử lý đối với cán bộ, giảng viên trẻ, sinh viên vi phạm các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

3. Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên *(báo cáo cụ thể về tình hình sử dụng kinh phí từ nguồn thu học phí của cơ sở giáo dục đại học dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, gồm các nội dung chi: hội nghị, hội thảo; mức chi hỗ trợ cho 01 đề tài của sinh viên; mức thưởng đối với các đề tài đạt giải cấp cơ sở; ghi rõ nguồn kinh phí khác nếu có).*

4. Danh mục công trình/đề tài gửi tham gia xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ/sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học năm... *(Mẫu 6a và 6b)*

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu:

Mẫu 07a. Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày... tháng..... năm.....

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

(Kèm theo công văn số:...../.....ngày.... tháng..... năm....vv báo cáo hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên)

1. Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học

TT	Tổng số đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên	Lĩnh vực	Số lượng sinh viên tham gia thực hiện đề tài KHCN	Số lượng đề tài NCKH đạt giải cấp cơ sở	Số lượng đề tài NCKH đạt giải cấp Bộ				Số lượng đề tài NCKH đạt giải thưởng khác	Số giảng viên tham gia hướng dẫn	Công bố khoa học của sinh viên		Tổng kinh phí dành cho hoạt động NCKH của sinh viên (*triệu đồng*)	
					Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích			Tạp chí trong nước	Tạp chí quốc tế	Từ nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học	Từ các nguồn khác
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1														
2														
3														
...														

Lưu ý:

(2): Tổng số đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên (bao gồm cả đề tài đạt giải và không đạt giải)

(3): Nêu cụ thể của từng lĩnh vực (Tổng số đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, Số lượng sinh viên tham gia thực hiện đề tài KHCN, Số lượng đề tài NCKH đạt giải cấp cơ sở,.....)

(15): Ghi cụ thể nguồn khác

2. Danh mục đề tài tham gia xét tăng giải thưởng dành cho sinh viên

STT	Lĩnh vực	Tên đề tài	Họ và tên SV tham gia thực hiện đề tài	Giới tính	Dân tộc	Năm thứ/số năm đào tạo	Ngành học	Điện thoại, email của SV chịu trách nhiệm chính	Người hướng dẫn chính	Công bố khoa học của SV từ kết quả nghiên cứu của đề tài	Cán bộ phụ trách hoạt động NCKH của SV
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1											
2											
3											
...											
Tổng cộng											

Lưu ý:

(2): Ghi đúng lĩnh vực KHCN cụ thể được quy định tại Điều 3 của Thông tư (VD: Khoa học tự nhiên/Toán học và Thống kê)

(4): Thành viên thực hiện không quá 5 người;

(7): Ghi rõ sinh viên năm thứ mấy trên số năm đào tạo (VD:3/5);

(10): Ghi đầy đủ chức danh khoa học, học vị, email, điện thoại của 01 người hướng dẫn chính;

(11): Ghi rõ họ tên tác giả, nhan đề, và các yếu tố về xuất bản (tên tạp chí, tình trạng bài đã được chấp nhận đăng, đã đăng) nếu có;

(12): Ghi rõ họ tên, bộ phận công tác, email, số điện thoại di động;

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 07b. Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học
(Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày... tháng..... năm.....

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRẺ

(Kèm theo công văn số:...../..... ngày.... tháng..... năm....vv báo cáo hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ)

1. Thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học

TT	Tổng số công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ	Lĩnh vực	Số lượng giảng viên trẻ tham gia thực hiện	Số lượng công trình NCKH đạt giải cấp cơ sở	Số lượng công trình NCKH đạt giải cấp Bộ				Số lượng công trình NCKH đạt giải thưởng khác	Công bố khoa học của giảng viên trẻ		Tổng kinh phí dành cho hoạt động NCKH của giảng viên trẻ (*triệu đồng*)	
					Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích		Tạp chí trong nước	Tạp chí quốc tế	Từ nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học	Từ các nguồn khác
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1													
2													
3													
...													

(2): Tổng số đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên (bao gồm cả đề tài đạt giải và không đạt giải)
(3): Nêu cụ thể của từng lĩnh vực (Tổng số đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, Số lượng sinh viên tham gia thực hiện đề tài KHCN, Số lượng đề tài NCKH đạt giải cấp cơ sở,.....)
(15): Ghi cụ thể nguồn

2. Danh mục đề tài tham gia xét giải dành cho giảng viên trẻ

STT	Tên công trình/ Lĩnh vực	Là kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ, đề tài, dự án, chương trình KHCN cấp quốc gia, cấp Bộ và cấp cơ sở...	Họ và tên tác giả/đại diện nhóm tác giả và các thành viên thực hiện	Học hàm học vị	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Đơn vị công tác hiện nay	Điện thoại	Email	Thông tin công bố hoặc ứng dụng	Thời gian thực hiện công trình
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1											
2											
3											
4											
5											
...											
Tổng cộng											

Lưu ý:

(2): Ghi đúng lĩnh vực KHCN cụ thể được quy định tại Điều 3 của Thông tư (VD: Khoa học tự nhiên/Toán học và Thông kê)

(4): Mỗi công trình do 01 giảng viên trẻ chịu trách nhiệm thực hiện chính. Thành viên thực hiện không quá 5 người;

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 08. Phiếu nhận xét công trình của thành viên hội đồng (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày... tháng..... năm.....

PHIẾU NHẬN XÉT
Công trình tham gia xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ trong cơ sở giáo dục đại học năm.....

1. Họ và tên thành viên hội đồng:
2. Nhiệm vụ trong Hội đồng ☐ Chủ tịch ☐ Ủy viên ☐ Ủy viên phản biện
3. Tên công trình đề nghị xét tặng:
4. Mã số công trình:
5. Tác giả công trình:

a. Tác giả thực hiện chính:

b. Đồng tác giả:

6. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
7. Nội dung nhận xét của thành viên hội đồng: (*Theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế*)

a) Giá trị về khoa học/công nghệ: Công trình có đóng góp mới vào sự phát triển, bổ sung tri thức mới, mở ra hướng nghiên cứu mới hoặc mở ra hướng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, khả thi; đóng góp mới về nhận thức, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, cơ sở lý luận, phân tích bản chất của sự vật hoặc có tính mới về học thuật, phương pháp, lý luận công nghệ, trực tiếp giải quyết được những vấn đề về công nghệ, sáng tạo ra công nghệ mới/giải pháp kỹ thuật mới, tạo ra sản phẩm mới, cải tiến kỹ thuật:

b) Giá trị về thực tiễn: Công trình có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của ngành, địa phương hoặc ngành giáo dục và đào tạo; có mức độ, thời gian, ảnh hưởng và phạm vi đóng góp cụ thể, rõ ràng, có tính ứng dụng hoặc có sản phẩm công nghệ được chuyển giao trong thực tiễn:

c) Có sản phẩm công bố khoa học và công nghệ từ kết quả của đề tài:

- Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện và có mã số ISBN:
- Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín:
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận:

8. Kết luận của thành viên hội đồng *(Đánh giá chung theo các tiêu chí nhận xét tại mục 7)*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 09. Phiếu đánh giá công trình của thành viên hội đồng (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Công trình tham gia xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ trong cơ sở giáo dục đại học năm.....

1. Họ và tên thành viên hội đồng:
2. Nhiệm vụ trong hội đồng: ☐ Chủ tịch ☐ Ủy viên ☐ Ủy viên phản biện
3. Tên công trình đề nghị xét tặng:
4. Mã số công trình:
5. Tác giả công trình:
   a. Tác giả thực hiện chính:
   b. Đồng tác giả:
6. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
7. Đánh giá của thành viên hội đồng: (Theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chấm
1	**Giá trị về khoa học/công nghệ**	**40**	
	Đóng góp mới vào sự phát triển, bổ sung tri thức mới, mở ra hướng nghiên cứu mới hoặc mở ra hướng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, khả thi	15	
	Đóng góp mới về nhận thức, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, đóng góp mới về cơ sở lý luận, phân tích bản chất của sự vật hoặc có tính mới về học thuật, phương pháp, lý luận công nghệ, trực tiếp giải quyết được những vấn đề về công nghệ, sáng tạo ra công nghệ mới/giải pháp kỹ thuật mới, tạo ra sản phẩm mới, cải tiến kỹ thuật	25	
2	**Giá trị về thực tiễn**	**45**	
	Công trình có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của lĩnh vực hoặc ngành giáo dục và đào tạo	25	
	Có mức độ, thời gian, ảnh hưởng và phạm vi đóng góp cụ thể, rõ ràng, có tính ứng dụng hoặc có sản phẩm công nghệ được chuyển giao trong thực tiễn	20	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chấm
3	**Có sản phẩm công bố khoa học và công nghệ từ kết quả của đề tài** *(chọn 01 trong các sản phẩm, trong trường hợp có nhiều sản phẩm thì chọn sản phẩm công bố có điểm tối đa cao nhất)*	**15**	
	Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện và có mã số ISBN	*10*	
	Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín	*15*	
	Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận	*15*	
	Tổng (1 + 2 + 3 + 4)	**100**	

Ghi chú:

a) Mỗi thành viên hội đồng đánh giá công trình theo thang điểm 100 (điểm đánh giá là số nguyên).

b) Khung điểm xét giải: Công trình đạt từ 70 điểm trở lên được đề nghị xét tặng Giải thưởng.

c) Điểm của thành viên hội đồng chênh lệch > 20 điểm so với điểm trung bình ban đầu coi là điểm không hợp lệ và không được tính vào tổng số điểm hợp lệ.

8. Ý kiến và kiến nghị khác:

.....

.....

.....

.....

.....

9. Dự kiến xếp giải:

☐ **Vào vòng chung khảo** ☐ **Giải Ba**

☐ **Giải Khuyến khích** ☐ **Không đạt giải**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 10. Phiếu nhận xét đề tài của thành viên hội đồng (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG GIẢI THƯỞNG KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

PHIẾU NHẬN XÉT
Đề tài tham gia xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học năm....

1. Họ và tên thành viên hội đồng:
2. Nhiệm vụ trong Hội đồng ☐ Chủ tịch ☐ Ủy viên ☐ Ủy viên phản biện
3. Tên đề tài đề nghị xét tặng:
4. Mã số đề tài:
5. Tác giả đề tài:

a. Tác giả thực hiện chính:
b. Đồng tác giả:

6. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
7. Nội dung nhận xét của thành viên hội đồng: (*Theo tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế*)

a. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu:
b. Nội dung nghiên cứu:
c. Phương pháp nghiên cứu:
d. Kết quả nghiên cứu:
e. Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài:
f. Có công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài, cụ thể:

- Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện:
- Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín:
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận:

8. Kết luận của thành viên hội đồng *(Đánh giá chung theo các tiêu chí nhận xét tại mục 7)*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 11. Phiếu đánh giá đề tài của thành viên hội đồng (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Đề tài tham gia xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học năm...

1. Họ và tên thành viên hội đồng:
2. Nhiệm vụ trong Hội đồng ☐ Chủ tịch ☐ Ủy viên ☐ Ủy viên phản biện
3. Tên công trình đề nghị xét tặng:
4. Mã số đề tài:
5. Tác giả công trình:
a. Tác giả thực hiện chính:
b. Đồng tác giả:
6. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
7. Đánh giá của thành viên hội đồng: (Theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chấm
1	Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu	10	
2	Nội dung nghiên cứu	20	
3	Phương pháp nghiên cứu	15	
4	Kết quả nghiên cứu	40	
5	Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài	05	
6	Có sản phẩm công bố khoa học và công nghệ từ kết quả của đề tài *(chọn 01 trong các sản phẩm, trong trường hợp có nhiều sản phẩm thì chọn sản phẩm công bố có điểm tối đa cao nhất)*	10	
	Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế	*5*	
	Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín	*10*	
	Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận	*10*	
	Tổng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6)	**100**	

Ghi chú:

a) Mỗi thành viên hội đồng đánh giá công trình theo thang điểm 100 (điểm đánh giá là số nguyên).

b) Khung điểm xét giải: Công trình đạt từ 70 điểm trở lên được đề nghị xét tặng Giải thưởng.

c) Điểm của thành viên hội đồng chênh lệch > 20 điểm so với điểm trung bình ban đầu coi là điểm không hợp lệ và không được tính vào tổng số điểm hợp lệ.

8. Ý kiến và kiến nghị khác:

.....

.....

.....

.....

.....

9. Dự kiến xếp giải:

☐ **Vào vòng chung khảo** ☐ **Giải Ba**

☐ **Giải Khuyến khích** ☐ **Không đạt giải**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 12. Biên bản kiểm phiếu đánh giá công trình/đề tài vòng sơ khảo (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT GIẢI VÒNG SƠ KHẢO
GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN NĂM...
Lĩnh vực:...
Hội đồng...

1. Số phiếu phát ra:	2. Số phiếu thu về:
3. Số phiếu hợp lệ:	4. Số phiếu không hợp lệ:

Số TT	Mã số công trình/đề tài	Tên công trình/đề tài	Điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng			Tổng số điểm đánh giá	Điểm trung bình
			Ủy viên 1	Ủy viên 2	...		
1							
2							
...							

Ghi chú:

a) Mỗi thành viên Hội đồng đánh giá công trình/đề tài theo thang điểm 100 (điểm đánh giá là số nguyên).

b) Kết quả đánh giá công trình/đề tài là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp Hội đồng (điểm trung bình lấy 2 chữ số sau dấu phẩy).

c) Phiếu đánh giá không hợp lệ không được tính vào kết quả đánh giá công trình/đề tài.

Các thành viên ban kiểm phiếu

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 13. Biên bản họp hội đồng đánh giá công trình/đề tài vòng sơ khảo (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT GIẢI VÒNG SƠ KHẢO GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN NĂM...

Lĩnh vực:...

Hội đồng:...

1. Quyết định thành lập Hội đồng *(số, ngày, tháng, năm)*:
2. Ngày họp:
3. Địa điểm:
4. Thành viên của Hội đồng: Tổng số: có mặt: vắng mặt:
5. Khách mời dự:

*** Ý kiến nhận xét, đánh giá của Hội đồng:**

Số TT	Mã số công trình/ đề tài	Tên công trình/đề tài	Kết quả đánh giá của Hội đồng		Ý kiến nhận xét của Hội đồng	Kết luận của Hội đồng
			Tổng số điểm	Điểm trung bình		
1						
2						
...						

Ghi chú:

a) Mỗi thành viên Hội đồng đánh giá công trình/đề tài theo thang điểm 100 (điểm đánh giá là số nguyên).

b) Kết quả đánh giá công trình/đề tài là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp Hội đồng (điểm trung bình lấy 2 chữ số sau dấu phẩy).

c) Khung điểm xét giải: Công trình/đề tài đạt từ 85 điểm trở lên được chọn vào vòng chung khảo; từ 80 điểm đến dưới 85 điểm được xét giải ba; từ 70 điểm đến dưới 80 điểm được xét giải khuyến khích; công trình/đề tài không được xét giải nếu đạt dưới 70 điểm hoặc bị phát hiện hồ sơ không hợp lệ.

*** Tổng hợp số giải thưởng Hội đồng đề nghị:**

1. Công trình/đề tài được chọn vào vòng chung khảo *(từ 85 điểm trở lên):*..... đề tài, gồm:

- Mã số, Tên đề tài;
- .....

2. Giải Ba *(từ 80 điểm đến dưới 85 điểm):*..... đề tài, gồm:

- Mã số, Tên đề tài;
- .....

3. Giải Khuyến khích *(từ 70 điểm đến dưới 80 điểm):*..... đề tài, gồm:

- Mã số, Tên đề tài;
- .....

4. Không đạt giải *(dưới 70 điểm):*..... đề tài, gồm:

- Mã số, Tên đề tài;
- .....

Chủ tịch Hội đồng	**Thư ký**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

XÁC NHẬN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Mẫu 14. Phiếu nhận xét công trình được chọn vào vòng chung khảo của thành viên hội đồng (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

PHIẾU NHẬN XÉT
CÔNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA GIẢNG VIÊN TRẺ ĐƯỢC CHỌN VÀO VÒNG CHUNG KHẢO NĂM.....
Lĩnh vực:...

1. Họ và tên thành viên hội đồng:
2. Nhiệm vụ trong Hội đồng ☐ Chủ tịch ☐ Ủy viên ☐ Ủy viên phản biện
3. Tên công trình đề nghị xét tặng:
4. Mã số công trình:
5. Tác giả công trình:

a. Tác giả thực hiện chính:

b. Đồng tác giả:

6. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
7. Nội dung nhận xét của thành viên hội đồng: (*Theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế*)

a) Giá trị về khoa học/công nghệ: Công trình có đóng góp mới vào sự phát triển, bổ sung tri thức mới, mở ra hướng nghiên cứu mới hoặc mở ra hướng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, khả thi; đóng góp mới về nhận thức, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, cơ sở lý luận, phân tích bản chất của sự vật hoặc có tính mới về học thuật, phương pháp, lý luận công nghệ, trực tiếp giải quyết được những vấn đề về công nghệ, sáng tạo ra công nghệ mới/giải pháp kỹ thuật mới, tạo ra sản phẩm mới, cải tiến kỹ thuật:

b) Giá trị về thực tiễn: Công trình có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của ngành, địa phương hoặc ngành giáo dục và đào tạo; có mức độ, thời gian, ảnh hưởng và phạm vi đóng góp cụ thể, rõ ràng, có tính ứng dụng hoặc có sản phẩm công nghệ được chuyển giao trong thực tiễn:

c) Có sản phẩm công bố khoa học và công nghệ từ kết quả của đề tài:

- Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện và có mã số ISBN:
- Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín:
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận:

d) Phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu công trình của giảng viên trẻ tại phiên họp hội đồng *(giảng viên trẻ nắm vững được vấn đề nghiên cứu, trả lời đúng các câu hỏi của thành viên hội đồng liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của công trình).*

8. Kết luận của thành viên hội đồng *(Đánh giá chung theo các tiêu chí nhận xét tại mục 7)*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 15. Phiếu nhận xét đề tài được chọn vào vòng chung khảo của thành viên hội đồng (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

PHIẾU NHẬN XÉT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA SINH VIÊN ĐƯỢC CHỌN VÀO VÒNG CHUNG KHẢO NĂM.....
Lĩnh vực:...

1. Họ và tên thành viên hội đồng:
2. Nhiệm vụ trong Hội đồng ☐ Chủ tịch ☐ Ủy viên ☐ Ủy viên phản biện
3. Tên đề tài đề nghị xét tặng:
4. Mã số đề tài:
5. Tác giả đề tài:

a. Tác giả thực hiện chính:

b. Đồng tác giả:

6. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
7. Nội dung nhận xét của thành viên hội đồng: (*Theo tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế*)

a. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu:

b. Nội dung nghiên cứu:

c. Phương pháp nghiên cứu:

d. Kết quả nghiên cứu:

e. Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài:

f. Có công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài, cụ thể:

- Bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước hoặc đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện:
- Bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín:
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, bản quyền tác phẩm,... đã được chứng nhận:

g. Phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài của sinh viên tại phiên họp hội đồng *(sinh viên nắm vững được vấn đề nghiên cứu, trả lời đúng các câu hỏi của thành viên hội đồng liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài).*

8. Kết luận của thành viên hội đồng *(Đánh giá chung theo các tiêu chí nhận xét tại mục 7)*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 16. Phiếu đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhất (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
XÉT CHỌN CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI ĐẠT GIẢI NHẤT
GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN NĂM...
Lĩnh vực:...

1. Họ tên thành viên Hội đồng:

2. Quyết định thành lập Hội đồng *(số, ngày, tháng, năm)*:

3. Tổng số công trình/đề tài tham gia xét giải thuộc lĩnh vực...:

4. Kết quả đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhất:

Số TT	Mã số công trình/ đề tài	Tên công trình/đề tài	Giảng viên trẻ/sinh viên thực hiện - Cơ sở giáo dục đại học	Đồng ý xét chọn Giải Nhất	Ghi chú
1					
2					
...					

Ghi chú:

a) Công trình/đề tài có tỷ lệ phần trăm số phiếu đồng ý của hội đồng đạt từ 70% trở lên được hội đồng đề nghị đạt Giải Nhất.

b) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho giảng viên trẻ chỉ được xét không quá 02 Giải Nhất.

c) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho sinh viên chỉ được xét chọn 01 Giải Nhất hoặc không quá 2% tổng số đề tài của lĩnh vực đó.

d) Phiếu xét chọn số giải nhất vượt quá quy định được coi là không hợp lệ và không được tính vào kết quả cuối cùng của Hội đồng.

4. Ý kiến khác:

Ngày tháng năm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 17. Phiếu đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhì (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
XÉT CHỌN CÔNG TRÌNH/ĐỀ TÀI ĐẠT GIẢI NHÌ
GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN NĂM...
Lĩnh vực:...

1. Họ tên thành viên Hội đồng:
2. Quyết định thành lập Hội đồng *(số, ngày, tháng, năm)*:
3. Tổng số công trình/đề tài tham gia xét giải thuộc lĩnh vực...:
4. Kết quả đánh giá xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhì *(đối với các công trình/đề tài không được Hội đồng đề nghị giải nhất)*:

Số TT	Mã số công trình/đề tài	Tên công trình/đề tài	Giảng viên trẻ/sinh viên thực hiện - Cơ sở giáo dục đại học	Đồng ý xét chọn Giải Nhì	Ghi chú
1					
2					
...					

Ghi chú:

a) Công trình/đề tài có tỷ lệ phần trăm số phiếu đồng ý của hội đồng đạt từ 70% trở lên được hội đồng đề nghị đạt giải nhì.

b) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho giảng viên trẻ chỉ được xét không quá 05 giải nhì.

c) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho sinh viên chỉ được xét chọn không quá 18% tổng số đề tài của lĩnh vực đó.

d) Phiếu xét chọn số giải nhất vượt quá quy định được coi là không hợp lệ và không được tính vào kết quả cuối cùng của Hội đồng.

5. Ý kiến khác:

Ngày tháng năm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 18. Biên bản kiểm phiếu xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhất (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU XÉT CHỌN GIẢI NHẤT
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT GIẢI VÒNG CHUNG KHẢO
GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN NĂM...
Lĩnh vực:...

1. Tổng số công trình/đề tài tham gia xét giải thuộc lĩnh vực...:
2. Kết quả kiểm phiếu xét chọn Giải Nhất:

2.1. Số phiếu phát ra:	2.2. Số phiếu thu về:
2.3. Số phiếu hợp lệ:	2.4. Số phiếu không hợp lệ:

Số TT	Mã số công trình/đề tài	Tên công trình/đề tài	Kết quả kiểm phiếu			Kết luận của Hội đồng
			Số phiếu hợp lệ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ % số phiếu đồng ý/ số phiếu hợp lệ	
1						
2						
3						
...						

Ghi chú:

a) Công trình/đề tài có tỷ lệ phần trăm số phiếu đồng ý của hội đồng đạt từ 70% trở lên được hội đồng đề nghị đạt giải nhất.

b) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho giảng viên trẻ chỉ được xét không quá 02 giải nhất.

c) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho sinh viên chỉ được xét chọn 01 giải nhất hoặc không quá 2% tổng số đề tài của lĩnh vực đó.

d) Phiếu xét chọn số giải nhất vượt quá quy định được coi là không hợp lệ và không được tính vào kết quả cuối cùng của Hội đồng.

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 19. Biên bản kiểm phiếu xét chọn công trình/đề tài đạt giải nhì (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU XÉT CHỌN GIẢI NHÌ
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT GIẢI VÒNG CHUNG KHẢO GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN NĂM...
Lĩnh vực:...

1. Tổng số công trình/đề tài tham gia xét giải thuộc lĩnh vực...:

2. Kết quả kiểm phiếu xét chọn Giải Nhì *(đối với các đề tài không được Hội đồng đề nghị đạt Giải Nhất)***:**

2.1. Số phiếu phát ra:	2.2. Số phiếu thu về:
2.3. Số phiếu hợp lệ:	2.4. Số phiếu không hợp lệ:

Số TT	Mã số công trình/ đề tài	Tên công trình/ đề tài	Kết quả kiểm phiếu			Kết luận của Hội đồng
			Số phiếu hợp lệ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ % số phiếu đồng ý/số phiếu hợp lệ	
1						
2						
...						

Ghi chú:

a) Công trình/đề tài có tỷ lệ phần trăm số phiếu đồng ý của hội đồng đạt từ 70% trở lên được hội đồng đề nghị đạt giải nhì.

b) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho giảng viên trẻ chỉ được xét không quá 05 giải nhì.

c) Mỗi lĩnh vực khoa học công nghệ của giải thưởng dành cho sinh viên chỉ được xét chọn không quá 18% tổng số đề tài của lĩnh vực đó.

d) Phiếu xét chọn số giải nhất vượt quá quy định được coi là không hợp lệ và không được tính vào kết quả cuối cùng của Hội đồng.

đ) Không bỏ phiếu xét chọn giải nhì đối với đề tài đã được Hội đồng đề nghị đạt giải nhất.

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 20. Biên bản họp hội đồng đánh giá và xét giải vòng chung khảo (Kèm theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT GIẢI VÒNG CHUNG KHẢO GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ/SINH VIÊN NĂM...
Lĩnh vực:...

1. Quyết định thành lập Hội đồng *(số, ngày, tháng, năm)*:
2. Ngày họp:
3. Địa điểm:
4. Thành viên của Hội đồng: Tổng số: có mặt: vắng mặt:
5. Khách mời dự:

*** Ý kiến nhận xét của Hội đồng:**

Số TT	Mã số công trình/đề tài	Tên công trình/ đề tài	Giảng viên trẻ/sinh viên thực hiện - Cơ sở giáo dục đại học	Ý kiến nhận xét của Hội đồng
1				
2				
...				

*** Kết quả kiểm phiếu xét chọn Giải Nhất** *(có biên bản kiểm phiếu kèm theo)***:**

Số TT	Mã số công trình/đề tài	Tên công trình/đề tài	**Kết quả kiểm phiếu**			Kết luận của Hội đồng
			Số phiếu hợp lệ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ % số phiếu đồng ý/số phiếu hợp lệ	
1						
2						
...						

*** Kết quả kiểm phiếu xét chọn Giải Nhì** *(có biên bản kiểm phiếu kèm theo)***:**

Số TT	Mã số công trình/đề tài	Tên công trình/đề tài	Kết quả kiểm phiếu			Kết luận của Hội đồng
			Số phiếu hợp lệ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ % số phiếu đồng ý/số phiếu hợp lệ	
1						
2						
...						

*** Kết luận:**

Tổng số giải thưởng Hội đồng đề nghị:

1. Giải Nhất *(số phiếu đồng ý xét chọn Giải Nhất của Hội đồng đạt ≥ 70 %):*..... đề tài, gồm:

- Mã số, Tên đề tài;
- .....

2. Giải Nhì *(số phiếu đồng ý xét chọn Giải Nhì của Hội đồng đạt ≥ 70 %):*..... đề tài, gồm:

- Mã số, Tên đề tài;
- .....

3. Giải Ba *(số phiếu đồng ý xét chọn Giải Nhì của Hội đồng < 70 %):*..... đề tài, gồm:

- Mã số, Tên đề tài;
- .....

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, họ tên)

Thư ký
(Ký, họ tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG